

Giới luật cư sĩ trong kinh điển Pali

ISSN: 2734-9195 08:05 16/05/2025

Giới luật dành cho người cư sĩ trong kinh điển Pāli, đặc biệt được làm rõ trong kinh Sigālovāda và được soi sáng bởi các nguyên lý như trung đạo, tâm từ, nghiệp và tinh tấn, không chỉ đơn thuần là những quy tắc đạo đức khô khan.

Tóm tắt: Bài viết này khảo sát nền tảng đạo đức dành cho phật tử tại gia (cư sĩ) trong kinh điển Pāli, tập trung vào vai trò thiết yếu của giới luật (vinaya) và đặc biệt là giới hạnh (sīla) trong lộ trình tu tập hướng đến giải thoát (nibbāna).

Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt (Sigālovādasutta) như một bộ quy tắc ứng xử nền tảng cho đời sống xã hội hài hòa, phân tích các mối quan hệ và bốn phạm tương hỗ trong gia đình và cộng đồng. Bài viết chỉ rõ tầm quan trọng của việc thực hành tâm từ (mettā) và bốn phạm trú (brahmavihāra) như là động lực thúc đẩy hành vi đạo đức.

Bài viết đề cập đến nguyên lý trách nhiệm cá nhân thông qua nghiệp (kamma), sự cần thiết của chính tinh tấn (sammāvāyāma) và không phóng dật (appamāda), cùng đặc tính phi thân quyền, nhấn mạnh vào nỗ lực tự thân để đạt được tự do cá nhân và sự kiến tạo một xã hội công bằng, hòa ái dựa trên những giá trị cao thượng.

Từ khóa: Giới luật cư sĩ, kinh Sigālovāda, trung đạo, mettā, brahmavihāra, kamma, appamāda.

I. Dẫn nhập

Lời dạy của đức Phật Gotama được lưu giữ trong kinh điển Pāli, bao gồm hai phương diện cốt lõi: giáo pháp (dhamma) và giới luật (vinaya). Nếu giáo pháp tập trung vào các khía cạnh về chân lý, trí tuệ (paññā) và thiền định (samādhi), thì giới luật đặt nền móng cho đời sống đạo đức (sīla), quy định về hành vi và lời nói thiện lành. Đối với hàng đệ tử xuất gia, giới luật được hệ thống hóa chi tiết trong Luật tạng (vinayapitaka). Tuy nhiên, đức Phật cũng dành sự quan tâm đặc biệt đến đời sống của hàng tại gia, những người đóng vai trò quan trọng trong việc hộ trì Tam bảo và xây dựng xã hội.



Hình ảnh được tạo bởi AI

Bài viết phân tích vai trò của giới hạnh (sīla) như là nền tảng không thể thiếu cho sự phát triển tâm linh, khảo sát bộ quy tắc ứng xử trong kinh Sigālovāda và luận giải về các phẩm tính như tâm từ (mettā), chính tinh tấn (sammāvāyāma) trong việc kiến tạo một đời sống cá nhân an lạc và một xã hội hài hòa, hướng đến mục tiêu tối hậu là niết-bàn (nibbāna).

II. Nội dung

1. Nền tảng giới luật trong lộ trình tu tập

Giới hạnh (sīla) không chỉ đơn thuần là sự kiềm chế tiêu cực khỏi các hành vi bất thiện (thân và khẩu nghiệp), mà còn là nền tảng tích cực cho sự phát triển toàn diện của tâm thức trên Bát Thánh đạo.

Trong Bát Thánh đạo (ariyoatthangiko maggo), con đường duy nhất dẫn đến sự diệt khổ, giới hạnh (sīla) bao gồm chính ngữ (sammāvācā), chính nghiệp (sammākammanta) và chính mạng (sammā-ājīva), tạo thành nền tảng vững chắc cho sự phát triển của thiền định (samādhi) và trí tuệ (paññā). Như Trưởng lão Soma Thera đã chỉ ra, sự trong sáng và thấu suốt của tâm trí, yếu tố dẫn đến níp-bàn, phụ thuộc vào việc thực hành giới hạnh. Giới hạnh giúp loại bỏ sự bồn chồn, lo lắng phát sinh từ thân nghiệp và khẩu nghiệp bất thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho chính tư duy (sammāsankappa) và chính kiến (sammāditthi) phát triển.⁽¹⁾ Không có nền tảng giới hạnh vững chắc, việc thực hành thiền định

và phát triển trí tuệ sẽ gặp nhiều trở ngại.

Tầm quan trọng của giới được đức Phật nhấn mạnh trong nhiều bài kinh. Kinh điển cho thấy một chuỗi nhân quả tâm lý tích cực khởi nguồn từ giới:

- Giới thanh tịnh (sīlavisuddhi) dẫn đến không hối tiếc (avipatisāra). Khi một người giữ giới trong sạch, họ không phải ăn năn, day dứt về những hành động hay lời nói sai trái của mình.
- Không hối tiếc dẫn đến hoan hỷ (pāmojja), tâm trạng vui vẻ, nhẹ nhàng tự nhiên khởi sinh.
- Hoan hỷ dẫn đến hỷ (pīti), một niềm vui sâu sắc hơn, phấn chấn lan tỏa thân tâm.
- Hỷ dẫn đến khinh an (passaddhi), thân và tâm trở nên lắng dịu, thư thái, không còn căng thẳng.
- Khinh an dẫn đến lạc (sukha), một cảm giác hạnh phúc, an lạc tinh tế.
- Lạc dẫn đến định (samādhi), tâm dễ dàng tập trung vào một đối tượng, không bị phân tán.
- Định là nền tảng cho tri kiến như thật (yathābhūtañānadassana), tức tuệ (pañña).
- Tri kiến như thật dẫn đến nhàm chán (nibbidā), ly tham (virāga), giải thoát (vimutti) và giải thoát tri kiến (vimuttiñānadassana) - sự chứng ngộ níp-bàn.

Chuỗi mắt xích này được trình bày rõ ràng trong nhiều kinh, ví dụ như kinh Nghĩ với dụng ý (Cetanākaraṇīyasutta)(2) và kinh Duyên (Upanisāsutta)(3), cho thấy giới không phải là mục đích tự thân, mà là điều kiện thiết yếu, là bước đầu tiên không thể thiếu để tiến tới định và tuệ.

Hơn nữa, trong kinh Đại bát niết-bàn (Mahāparinibbānāsutta)(4), đức Phật nêu lên năm lợi ích thiết thực của việc giữ giới đối với người tại gia: (1) có được tài sản dồi dào nhờ không phóng (appamāda); (2) có được tiếng tốt đồn xa; (3) tự tin, không rụt rè khi đi vào các hội chúng; (4) mệnh chung không si ám; (5) sau khi thân hoại mạng chung, được sinh vào thiện thú, thiên giới. Như vậy, giới vừa là nền tảng giải thoát, vừa mang lại lợi ích ngay trong đời sống hiện tại.

2. Trung đạo - tránh xa các cực đoan

Một đặc điểm nổi bật trong giáo lý của đức Phật là con đường trung đạo, tránh xa hai cực đoan: lợi dưỡng (kāmasukhallikānuyoga) - sự tham đắm, thụ hưởng các dục lạc thế gian, được xem là thấp kém, thô thiển, phàm tục, không xứng bậc Thánh, không đưa đến lợi ích; và khổ hạnh ép xác (attakilamathānuyoga) - vốn đau khổ, không xứng bậc Thánh, không đưa đến lợi ích. Trung Đạo là tinh hoa của Phật giáo, thể hiện sự cân bằng, tránh xa mọi hình thức cực đoan trong cả nhận thức lẫn hành động. Điều này được tuyên thuyết rõ ràng trong bài kinh đầu tiên, kinh Chuyển pháp luân (Dhammacakkapavattanasutta).

Bát Thánh đạo chính là hiện thân của trung đạo, con đường vượt lên trên hai thái cực này. Đối với người cư sĩ, điều này có nghĩa là sống một đời sống có trách nhiệm, hưởng thụ các nhu cầu vật chất chính đáng một cách chừng mực, không chạy theo dục vọng vô độ, nhưng cũng không từ bỏ cuộc sống thế tục để lao vào khổ hạnh vô ích.

Trung đạo không chỉ áp dụng trong thực hành mà còn trong tư duy, tránh xa thường kiến (sassataditthi) - niềm tin vào một linh hồn hay bản ngã trường tồn, bất biến và đoạn kiến (ucchedaditthi) - niềm tin rằng chết là hết, không có đời sau, không có quả báo của nghiệp. Đối với người cư sĩ, thực hành trung đạo nghĩa là sống một đời sống vật chất vừa đủ, không tham đắm hưởng thụ dục lạc thái quá, nhưng cũng không từ bỏ trách nhiệm xã hội để ép mình vào lối sống khổ hạnh cực đoan, đồng thời giữ vững chính kiến về bản chất vô thường, khổ, vô ngã của các pháp.

Trong kinh Ca-chiên-diênthị (Kaccāyanagotta-sutta)(6), đức Phật giải thích rằng thấy được sự tập khởi của thế gian (sự sinh khởi do duyên) thì không rơi vào đoạn kiến; thấy được sự đoạn diệt của thế gian (sự diệt do duyên) thì không rơi vào thường kiến. Lý Duyên khởi (Paticcasamuppāda) chính là sự trình bày chi tiết về trung đạo ở cấp độ triết học, giúp hành giả hiểu đúng bản chất vận hành của các pháp.

3. Kinh Sigālovāda - bộ quy tắc vàng cho cư sĩ

Kinh Sigālovāda(7) được xem là “giới luật của người tại gia” (gihivinaya). Bài kinh này là bản hướng dẫn chi tiết và thực tế nhất về đạo đức xã hội cho người tại gia. Thay vì chỉ tập trung vào sự giải thoát cá nhân, bài kinh này nhấn mạnh tầm quan trọng của các mối quan hệ tương hỗ lành mạnh. Đức Phật đã hệ thống hóa các mối quan hệ này thành sáu phương cần được người cư sĩ lễ kính và phụng sự đúng cách:

- Phương Đông: Cha mẹ và con cái - nguồn cội.

- Phương Nam: Thầy và trò - nơi trường dưỡng kiến thức, đức hạnh.
- Phương Tây: Chồng và vợ - hậu phương.
- Phương Bắc: Bạn bè với nhau - tương trợ.
- Phương dưới: Chủ và người làm công - nền tảng.
- Phương trên: Cư sĩ và Sa-môn, Bà-la-môn (tu sĩ) - hướng thượng tâm linh.

Đức Phật dạy Sigāla từ bỏ các hành vi xấu ác (sáu cửa dẫn đến tài sản hao tổn) và thực hành các bốn phạm đạo đức trong từng mối quan hệ. Việc thực hành những lời dạy này không chỉ mang lại hạnh phúc, an ổn cho cá nhân và gia đình mà còn góp phần xây dựng một xã hội trật tự, hài hòa và thịnh vượng. Sự tôn trọng, trách nhiệm và lòng biết ơn lẫn nhau được nhấn mạnh như là chất keo gắn kết cộng đồng.

Điểm đặc sắc của kinh là tính tương hỗ (reciprocity) trong từng mối quan hệ. Không chỉ có bốn phạm một chiều, mà mỗi bên đều có trách nhiệm đối với bên kia, tạo nên sự cân bằng và tôn trọng lẫn nhau. Ví dụ, cha mẹ có 5 bốn phạm với con cái (ngăn chặn điều ác, khuyến khích điều thiện, dạy nghề, dựng vợ gả chồng xứng đáng, trao của thừa tự đúng thời), con cái cũng có 5 bốn phạm đáp lại (nuôi dưỡng cha mẹ, làm tròn bốn phạm, giữ gìn truyền thống gia đình, bảo vệ tài sản thừa tự, làm phước hồi hướng khi cha mẹ qua đời). Sự thực hành đầy đủ các bốn phạm này trong cả sáu mối quan hệ sẽ tạo ra một mạng lưới xã hội vững chắc, an ổn, nơi mọi người đều cảm thấy được tôn trọng, yêu thương và có trách nhiệm. Đây chính là nền tảng cho một xã hội Phật giáo lý tưởng.

4. Vai trò của tâm từ và bốn phạm trú

Nếu giới luật là khuôn khổ bên ngoài, thì tâm từ (mettā) chính là động lực nội tâm, là chất liệu nuôi dưỡng hành vi đạo đức. Mettā không phải là tình yêu vị kỷ hay ái luyến thông thường, mà là lòng mong muốn cho tất cả chúng sinh được an lạc, không phân biệt bạn thù, thân sơ. Như đã đề cập, thực hành giới chính là biểu hiện cụ thể của tâm từ, vì mang lại sự an ổn, không sợ hãi cho người khác.



Hình ảnh được tạo bởi AI

Nền tảng của mọi hành vi đạo đức trong Phật giáo chính là tâm từ ái (mettā). Như Trưởng lão Soma Thera nhận định, con đường giới hạnh có thể được gọi là “con đường từ ái” (mettāyana magga), bởi người thực hành giới hạnh ban tặng sự không sợ hãi, không sân hận, không tổn hại đến tất cả chúng sinh.⁽⁸⁾ Kinh Tâm từ (Mettāsutta)⁽⁹⁾ là bài kinh kinh điển mô tả cách tu tập và năng lượng của tâm từ: *“Như mẹ hiền thương yêu / Đứa con một của mình / Dám hy sinh thân mạng / Che chở cho con mình / Tâm tư không hạn lượng / Hãy phát khởi như vậy / Đối tất cả sinh loại...”*. Tâm từ được thực hành bằng cách quán tưởng và rải tâm đến vô lượng chúng sinh ở khắp mười phương, không giới hạn.

Tâm từ là nền tảng để phát triển ba phạm trú còn lại: bi (karunā) - lòng thương xót, mong muốn chúng sinh thoát khổ, khởi lên khi thấy chúng sinh đau khổ; hỷ (muditā) - niềm vui hoan hỷ khi thấy chúng sinh thành công, hạnh phúc, không ganh tỵ; và xả (upekkhā) - tâm quân bình, không thiên vị, không dính mắc hay ghét bỏ, giữ tâm vững vàng trước những thăng trầm của thế gian, nhìn nhận chúng sinh đều là chủ nhân của nghiệp. Thực hành bốn phạm trú (brahmavihāra) giúp mở rộng lòng yêu thương vô điều kiện, xóa bỏ ranh giới phân biệt, thúc đẩy sự cảm thông và hành động vị tha, góp phần kiến tạo hòa bình nội tâm và hòa bình thế giới.

Trong kinh Tam minh (Tevijja)(10), đức Phật dạy rằng thực hành tứ vô lượng tâm chính là con đường dẫn đến cõi Phạm thiên (tượng trưng cho trạng thái tâm cao thượng, thanh tịnh). Việc thực hành này giúp phá vỡ “cái tôi” ích kỷ, mở rộng trái tim, là nền tảng vững chắc cho tinh thần bất bạo động (ahimsā), lòng khoan dung và sự phục vụ vị tha. Đây là liều thuốc giải độc mạnh mẽ cho sự hẹp hòi, ích kỷ và xung đột trong xã hội.

5. Trách nhiệm cá nhân và tinh tấn

Giáo lý về nghiệp (kamma) là một trụ cột quan trọng, nhấn mạnh trách nhiệm cá nhân đối với hành động và hậu quả gây tạo. Nghiệp, hiểu chính xác là “hành động có chủ ý (cetanā)”, tạo ra tiềm năng đưa đến kết quả tương ứng (vipāka) trong tương lai. Đức Phật dạy: *“Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý”*. (11) Điều này bác bỏ quan điểm định mệnh luận (niyativāda), khẳng định con người có khả năng thay đổi vận mệnh của mình thông qua những hành động thiện lành trong hiện tại. Kinh Tiểu nghiệp phân biệt (Cūlakammavibhangasutta) giải thích rõ ràng sự khác biệt về tuổi thọ, sức khỏe, sắc đẹp, quyền lực, tài sản, trí tuệ... giữa các chúng sinh là do sự khác biệt về Nghiệp quá khứ và hiện tại. *“Các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có liệt, có ưu”*. (12)

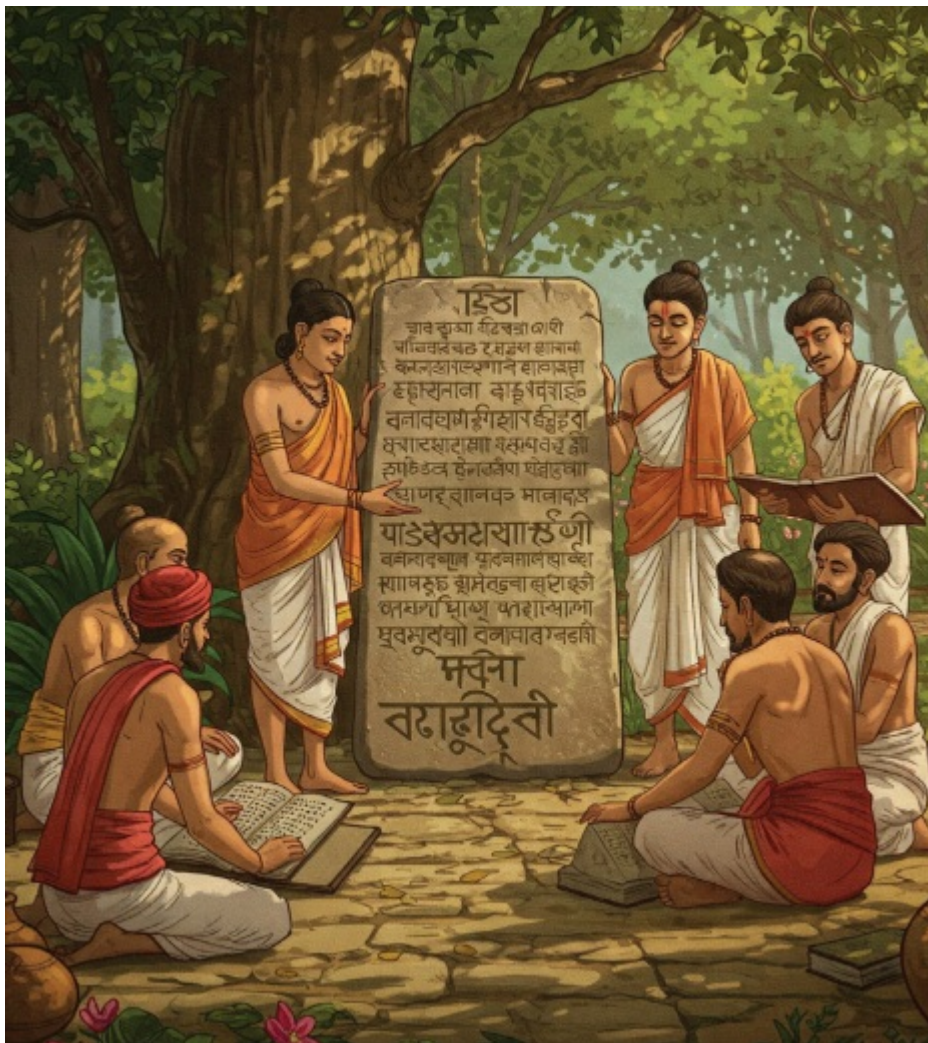
Điều này khuyến khích con người nỗ lực làm lành lánh dữ, tự mình kiến tạo hạnh phúc và giải thoát, thay vì trông chờ vào sự ban ơn hay phán xét từ một đấng quyền năng bên ngoài. Hiểu về nghiệp thúc đẩy sự thực hành chính tinh tấn (sammāvāyāma), một chi phần của Bát Thánh đạo, bao gồm bốn phương diện, gọi là Tứ chính cần:

- Nỗ lực ngăn ngừa các pháp ác, bất thiện chưa sinh khởi.
- Nỗ lực đoạn trừ các pháp ác, bất thiện đã sinh khởi.
- Nỗ lực làm sinh khởi các pháp thiện chưa sinh khởi.
- Nỗ lực duy trì, phát triển các pháp thiện đã sinh khởi.

Tinh tấn đi liền với không phóng dật (appamāda) - sự không dễ dãi, luôn tỉnh giác, chú tâm vào việc tu dưỡng thiện pháp. Kinh Pháp Cú, đức Phật dạy: *“Không phóng dật đường sống / Phóng dật là đường chết / Không phóng dật không chết / Phóng dật như chết rồi”*. (13) Hoặc *“Họ ngu si thiếu trí / Chuyên sống đời phóng dật / Người trí không phóng dật / Như giữ tài sản quý”*. (14) Sự

tin cẩn, nỗ lực không ngừng trong việc ngăn ngừa điều ác, thực hành điều thiện và thanh lọc tâm ý là yếu tố then chốt để tiến bộ trên con đường đạo.

6. Đặc tính phi thần quyền và tự do tinh thần



Hình ảnh được tạo bởi AI

Phật giáo đặt con người vào vị trí trung tâm của quá trình giải thoát. Không có một đấng sáng thế hay thần linh nào ban phát sự cứu rỗi hay định đoạt số phận con người. Sự tồn tại của thế giới và chúng sinh được giải thích qua lý Duyên khởi (paticcasamuppāda), sự khổ đau hay hạnh phúc phụ thuộc vào nghiệp quả (kammavipāka) của mỗi cá nhân. Điều này giải phóng con người khỏi sự lệ thuộc vào các thế lực siêu nhiên, trả lại cho họ quyền tự quyết và trách nhiệm đối với cuộc đời mình.

Kinh Phạm võng (Brahmajālasutta)(15) liệt kê và phân tích nhiều loại tà kiến, trong đó có các quan điểm hữu thần, cho thấy đức Phật đã vượt lên trên những tranh luận siêu hình này để chỉ ra con đường thực nghiệm giải thoát khổ đau. Kinh Các vị ở Kesaputta (Kesamuttisutta)(16) khuyến khích tinh thần tự do truy

vấn, không vội tin vào bất cứ điều gì chỉ vì đó là truyền thống, lời đồn, kinh điển, lý luận logic hay uy tín của người nói, mà phải tự mình thể nghiệm, thấy rõ lợi ích và không gây hại thì mới nên thực hành. Đây là tinh thần khoa học và tự do nền tảng của Phật giáo. Sự giải thoát khổ đau không đến từ cầu nguyện hay sự tha thứ của thần linh, mà đến từ việc tự mình thấu hiểu Tứ diệu đế, đoạn trừ tham ái (tanhā) và vô minh (avijjā) thông qua thực hành Giới-Định-Tuệ. Điều này mang lại tinh thần tự do và tự chủ sâu sắc cho người Phật tử.

7. Tác động chuyển hóa của chính pháp đến cá nhân và xã hội

Sức mạnh của Chính pháp nằm ở khả năng chuyển hóa sâu sắc từ bên trong. Một cá nhân, dù trong quá khứ đã từng lầm lỗi, nhưng nếu biết quay đầu, thực hành theo lời Phật dạy, hoàn toàn có thể thay đổi. Câu chuyện về Angulimāla(17), một kẻ sát nhân đã giết 999 người, sau khi gặp Phật, đã thức tỉnh, xuất gia và chứng quả A-la-hán, là một minh chứng hùng hồn cho khả năng chuyển hóa này. Sự thực hành giới luật giúp chế ngự các khuynh hướng bất thiện, thực hành tâm từ giúp phát triển lòng vị tha, thực hành thiền định giúp tâm an tĩnh và thực hành trí tuệ giúp đoạn trừ si mê.

Khi nhiều cá nhân trong xã hội cùng thực hành Chính pháp, tác động cộng hưởng sẽ tạo ra một cộng đồng hòa ái, công bằng và an lạc hơn. Thay vì bị chi phối bởi tham lam, sân hận, và si mê, xã hội sẽ được dẫn dắt bởi trí tuệ và từ bi. Kinh Chuyển luân thánh vương sư tử hống (Cakkavattisīhanādasutta)(18) mô tả một vị vua lý tưởng cai trị bằng Chính pháp (dhamma), không dùng bạo lực, mang lại hòa bình và thịnh vượng cho toàn vương quốc. Điều này cho thấy mối liên hệ mật thiết giữa đạo đức cá nhân và sự an ổn xã hội theo quan điểm Phật giáo.

Việc thực hành nghiêm túc giới luật và các nguyên tắc đạo đức Phật giáo mang lại sự chuyển hóa sâu sắc cho cá nhân. Từ một người có thể còn sân hận, tham lam, si mê, trở thành người từ bi, rộng lượng, trí tuệ và an lạc. Khi những cá nhân được chuyển hóa, họ sẽ trở thành những hạt nhân tích cực, góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn - một xã hội dựa trên sự tôn trọng, hiểu biết, bất bạo động, công bằng và lòng vị tha. Như Trưởng lão Soma Thera đã viết, sự gắn kết dựa trên những “tư tưởng cao quý trong hành động” (noble ideas in action) vượt lên trên những ràng buộc về huyết thống, chủng tộc hay ngôn ngữ, tạo nên một nền văn hóa chân chính và sự đoàn kết đích thực.(19)

III. Kết luận

Giới luật dành cho người cư sĩ trong kinh điển Pāli, đặc biệt được làm rõ trong kinh Sigālovāda và được soi sáng bởi các nguyên lý như trung đạo, tâm từ, nghiệp và tinh tấn, không chỉ đơn thuần là những quy tắc đạo đức khô khan. Đó là một lộ trình sống động, một nghệ thuật sống thực tiễn, giúp con người điều hướng cuộc đời giữa những phức tạp của thế gian. Việc thực hành những lời dạy này mang lại lợi ích thiết thực ngay trong hiện tại - sự an lạc nội tâm, các mối quan hệ xã hội hài hòa, một cộng đồng ổn định - đồng thời đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển tâm linh cao hơn, hướng đến mục tiêu giải thoát tối hậu khỏi vòng luân hồi khổ đau (samsāra).

Trong bối cảnh thế giới đương đại đầy biến động, xung đột và bất an, những nguyên tắc đạo đức ponad thời gian này của đức Phật càng trở nên cấp thiết. Việc nghiên cứu, thực hành và lan tỏa những giá trị này không chỉ là trách nhiệm của riêng người Phật tử mà còn là đóng góp quý báu cho hòa bình, hạnh phúc và sự phát triển bền vững của toàn nhân loại.

Tác giả: **Định Phúc Spuñño** - Chùa Trúc Lâm, số 152/4 Đặng Nguyên Cẩn, P.13, Q.6, Tp.HCM

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 5/2025

Chú thích:

- (1) Thera Soma (1994): 2.
- (2) AN 10.2 (Cetanākaraniyasutta). Kinh Tăng chi bộ (2021): 1134.
- (3) SN 12.23 (Upanisasutta). Kinh Tương ưng bộ (2020): 310.
- (4) DN 16 (Mahāparinibbānasutta). Kinh Trường bộ (2020): 258-259.
- (5) SN 56.11 (Dhammacakkappavattanasutta). Kinh Tương ưng bộ (2020): 1296.
- (6) SN 12.15 (Kaccāyanagottasutta). Kinh Tương ưng bộ (2020): 301.
- (7) DN 31 (Sigālovādasutta). Kinh Trường bộ (2020): 537.
- (8) Thera Soma (1994): 4.
- (9) Khp 9; Sn 1.8 (Mettāsutta). Kinh Tiểu bộ - Tập 1 (2021): 14, 326.
- (10) DN 13 (Tevijjasutta). Kinh Trường bộ (2020): 199.

- (11) AN 6.63 (Nibbedhikasutta). Kinh Tăng chi bộ (2021): 799.
- (12) MN 135 (Cūlakammavibhangasutta). Kinh Trung bộ (2020): 1033.
- (13) Dh 21. Kinh Tiểu bộ - Tập 1 (2021): 31.
- (14) Dh 26. Kinh Tiểu bộ - Tập 1 (2021): 31.
- (15) DN 1 (Brahmajālasutta). Kinh Trường bộ (2020): 1.
- (16) AN 3.65 (Kesamuttisutta). Kinh Tăng chi bộ (2021): 171.
- (17) MN 86 (Angulimālasutta). Kinh Trung bộ (2020): 657.
- (18) DN 26 (Cakkavattisīhanādasutta). Kinh Trường bộ (2020): 459.
- (19) Thera Soma (1994): 6.

Tài liệu tham khảo:

Kinh Trường bộ. (2020). Thích Minh Châu dịch. Hà Nội: Nxb Hồng Đức.

Kinh Trung bộ. (2020). Thích Minh Châu dịch. Hà Nội: Nxb Hồng Đức.

Kinh Tăng chi bộ. (2020). Thích Minh Châu dịch. Hà Nội: Nxb Hồng Đức.

Kinh Tương ưng bộ. (2020). Thích Minh Châu dịch. Hà Nội: Nxb Hồng Đức.

Kinh Tiểu bộ. (2021). Tập 1. Thích Minh Châu và Nguyễn Tâm Trần Phương Lan dịch. Hà Nội: Nxb Hồng Đức.

Soma Thera. (1994). *The Buddhist code of discipline (Bodhi Leaves No. 70)*. Kandy: Buddhist Publication Society.